| Oregon Department of Education logo | **Bảng Thông Tin về**  **Kế Hoạch Hiệu Suất của Tiểu Bang (SPP)**  **Chỉ Số C2: Dịch Vụ trong Môi Trường Tự Nhiên** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | |  |  |  |

# **Kế Hoạch Hiệu Suất của Tiểu Bang Oregon**

Theo Đạo Luật Giáo Dục Cá Nhân Khuyết Tật năm 2004 (IDEA), Sở Giáo Dục Oregon (ODE) được yêu cầu gửi Kế Hoạch Hiệu Suất Tiểu Bang (SPP) sáu năm cho Văn Phòng Giáo Dục Đặc Biệt (OSEP). OSEP đã phát triển các biện pháp cải thiện hiệu suất chính, được gọi là các chỉ số, để đo lường cả sự tuân thủ và kết quả. OSEP đặt ra các mục tiêu cho các chỉ số tuân thủ và ODE đặt ra các mục tiêu cho các chỉ số kết quả. SPP phải bao gồm mục tiêu cho mỗi chỉ số kết quả. ODE báo cáo về tiến độ đạt được đối với các chỉ số này hàng năm trong Báo Cáo Hiệu Suất Hàng năm (APR). Mỗi sáu năm ODE phải xem xét lại mục tiêu cho các kết quả và thu hút các đối tác chính trong việc phát triển những mục tiêu mới. Vui lòng xem [Kế Hoạch Hiệu Suất Tiểu Bang và Báo Cáo Hàng Năm cho trang web Giáo Dục Đặc Biệt](https://www.oregon.gov/ode/reports-and-data/SpEdReports/Pages/State-Performance-Plan-and-Annual-Performance-Report-for-Special-Education.aspx) để biết thêm thông tin.

# **Chỉ số này đo lường điều gì và tại sao nó lại quan trọng?**

Chỉ số C2 (các Môi Trường Tự Nhiên) đề cập đến phần trăm trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi có IFSP (Kế Hoạch Dịch Vụ Gia Đình Cá Nhân Hóa) và chủ yếu nhận được các dịch vụ can thiệp sớm tại nhà hoặc tại các cơ sở dựa vào cộng đồng. (20 U.S.C. 1416(a)(3)(A) và 1442) Các dịch vụ can thiệp sớm nên được cung cấp tại nhà hoặc tại các cơ sở dựa vào cộng đồng khi có thể.

# **Nguồn dữ liệu là gì?**

Dữ liệu được thu thập theo mục 618 của IDEA (thu thập dữ liệu về các Cơ Sở và Trẻ Em được Chú Ý Đến, IDEA Phần C trong Hệ Thống Siêu Dữ Liệu và Quy Trình EDFacts (EMAPS)).

# **Có cần thiết lập hoặc thiết lập lại đường cơ sở cho chỉ số này không?**

Không, đường cơ sở không cần thiết lập hoặc thiết lập lại.

# **Oregon đã hoạt động như thế nào trong thời gian qua?**

| **Năm Tài Chính Liên Bang (FFY)** | **2005** | **2014** | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mục Tiêu ≤ | *Đường Cơ Sở* | 96.50% | 96.50% | 96.50% | 96.50% | 96.50% | 96.50% |
| Dữ Liệu | 81.00% | 96.43% | 97.54% | 97.01% | 98.15% | 98.47% | 98.66% |

# **Các mục tiêu mới là gì?**

ODE sẽ không đặt ra các mục tiêu mới cho đến khi chúng tôi nhận được phản hồi từ các đối tác của mình. Có một số cách để đặt mục tiêu mới. Đó có thể là tăng tỷ lệ phần trăm, bắt đầu với trò chơi kết thúc trong tâm trí hoặc kiểm tra các xu hướng theo thời gian và đưa ra dự đoán dựa trên xu hướng. Một số thông tin hữu ích về việc đặt mục tiêu:

* Mục tiêu là nhằm hỗ trợ cải thiện kết quả và thành quả cho trẻ em và gia đình. Mục tiêu phải nằm trong tầm với nhưng vẫn cho thấy sự phát triển.
* Thay đổi cần có thời gian. Mục tiêu có thể được tạo ra với sự hiểu biết này trong tâm trí. Ví dụ: các mục tiêu có thể giữ nguyên trong vài năm liên tiếp và sau đó sẽ cải thiện một chút trong năm mục tiêu cuối cùng (Năm Tài Chính Liên Bang (FFY) 2025). Hoặc cho thấy một chút cải thiện mỗi năm.
* Mục tiêu của chỉ số này là đạt hoặc cao hơn mục tiêu.

**Ví Dụ A**

| **Năm Tài Chính Liên Bang (FFY)** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mục Tiêu ≥ | 96.5% | 96.5% | 96.5% | 96.5% | 96.5% | 96.5% |

Phương án A duy trì các mục tiêu trước đó từ chu kỳ SPP 2014-2019.

**Ví Dụ B**

| **Năm Tài Chính Liên Bang (FFY)** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mục Tiêu ≥ | 96.5% | 96.5% | 96.5% | 96.6% | 96.6% | 96.7% |

Ví dụ B cho thấy sự phát triển nhiều hơn.

**Nếu quý vị cần thêm thông tin để cung cấp ý kiến đóng góp về chỉ số này, vui lòng liên hệ với Alan Garland, Chuyên Gia Giáo Dục, tại** [**alan.garland@ode.state.or.us**](mailto:alan.garland@ode.state.or.us)**.**